Chi tiết mã HS 5802.30

Mã HS	5802.30
Mô tả hàng hóa	Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:06:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/580230/

4 dòng thuế thuộc 5802.30

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
5802.30.10	Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Đã ngâm tẩm, tráng hoặc phủ	kg/m/m2	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
5802.30.20	Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Dệt thoi, từ bông hoặc sợi nhân tạo	kg/m/m2	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
5802.30.30	Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Dệt thoi, từ vật liệu khác	kg/m/m2	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
5802.30.90	Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03 / - Các loại vải dệt tạo búi: / - - Loại khác	kg/m/m2	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.